

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:14/2023/ DS-ST

Ngày 31/3/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Xuân Hải
2. Ông Trần Văn Thiện

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Trường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên**, tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2022. Về tr chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:31/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2023/QĐST-DS, ngày 23/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Việt H, sinh năm 1984 (có mặt)

- Đồng bị đơn: Nguyễn Hoàng Th, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nguyễn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 284, xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo Nguyễn Việt H trình bày: Vào ngày 19/9/2015 Nguyễn T và Nguyễn Hoàng Th có vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) Trong đó T vay 15.000.000đ; Th 15.000.000đ viết chung một giấy vay tiền, thời hạn vay 1 tháng, lãi xuất thỏa thuận miệng. Đến hạn Th và T không trả tiền theo thỏa thuận. Nay làm đơn khởi kiện yêu cầu T, Th cùng phải chịu trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) trong đó Th phải trả 15.000.000đ, T phải trả 15.000.000đ tiền gốc. Về tiền lãi yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1,5%/1 tháng tính từ ngày 19/9/2015 đến nay. Khi cho Th và T vay tiền thì chưa lấy vợ, chị Hà vợ T, chị Hương vợ Th không biết việc H và Th vay tiền của . Nên chỉ yêu cầu Th và T trả tiền.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ kiện Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng T và Th không đến làm việc. Qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình Th và T cho biết Th đi làm ăn ở Lai Châu từ tháng 10/2022 đến nay không về, không biết địa chỉ cụ thể của Th và bà Thân là mẹ đẻ Th chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, Sau khi bà Th nhận được các văn bản của Tòa án bà đã gọi điện cho Th về giải quyết việc H kiện đòi tiền, nhưng Th cho biết đi làm ăn ở xa không về được. Khi nào có tiền sẽ về thanh toán với H sau, bà Thân có cung cấp cho Tòa án 01 biên bản họp gia đình ngày 20/4/2017 về nội dung giải quyết các số nợ của H và Th.

Đối với T. Tòa án đã nhiều lần đến gia đình nh không gặp được T, chỉ gặp chị Trần Thị H1 là vợ T, chị H1 cho biết T chồng chị làm lao động tự do nên thường xuyên không có nhà, các văn bản của Tòa án giao cho chị, chị đã giao lại trực tiếp cho T ngay, T biết việc bị H kiện đòi tiền nhưng T bận công việc không đến Tòa án được, T cho biết và Th có được vay của H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) mỗi người 15.000.000đ, sau khi vay tiền T đã đưa cho Th một chiếc xe máy Dream của T biển kiểm soát 98B1 - 64908 để Th bán đi trả nợ cho H nh Th đã tự bán lấy tiền chi tiêu nên Th chưa trả cho H. Nay H kiện đòi tiền T đã trả bằng xe cho Th nên Th phải chịu trách nhiệm trả H toàn bộ số tiền trên. Việc T đưa xe mô tô cho Th không có giấy tờ gì.

+ **Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng quy định pháp luật không đến phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Không đến tham gia phiên tòa.

+ **Về hướng giải quyết:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H. Xử buộc T, Th phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho H số tiền 30.000.000đ về tiền lãi từ ngày 19/10/2015 đến ngày 31/12/2016

$30.000.000đ \times 0,75\%/1 \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 3.157.000đ$

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2023

$30.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 75 \text{ tháng} = 18.675.000đ$

Tổng cả gốc và lãi là 45.832.000đ trong đó Th phải trả H số tiền là gốc là 15.000.000đ tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 10.541.000đ

T phải trả H số tiền gốc là 15.000.000đ ; tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 10.541.000đ.

Về tiền lãi chậm trả giai đoạn thi hành án, để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án kể từ sau ngày xét xử bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Yêu cầu của H được chấp nhận nên H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

T phải chịu 1.145.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
Th phải chịu 1.145.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm
Quyền kháng cáo các bên đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả tr tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: H khởi kiện đòi tiền Th, T, xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đồng bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nh vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Nguyễn Hoàng Th và Nguyễn T.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ họ hàng giữa Th và H là con chú con bác giữa H và T là người cùng thôn. Vào ngày 19/9/2015 T và Th có vay của H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 1 tháng; trong giấy vay tiền không ghi rõ số tiền cụ thể của từng người. Đến hạn Th và T không trả tiền cho H. H đã đòi nhiều lần nh Th và T không trả, nay H khởi kiện yêu cầu Th, T trả số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) mỗi người là 15.000.000đ, yêu cầu trả lãi theo lãi suất theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi từ ngày 19/10/2015 đến nay.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nh cả Th, T đều không đến làm việc, Tòa án đã đến gia đình Th, T nhưng không gặp được ai, chỉ gặp bà Th là mẹ đẻ Th. chị H1 là vợ T, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Th và chị H1, cả hai người đều cam kết đã thông báo trực tiếp cho Th và T, nh cả Th và T đều nói bận công việc không về giải quyết việc kiện được.

Mặc dù tại phiên tòa hôm nay Th và T đều không có mặt, HĐXX căn cứ bản gốc giấy vay tiền do H cung cấp, giấy vay tiền này có chữ ký của Th, T, qua lời khai của bà Thân và chị Hà đều xác nhận Th, T có vay tiền của H là đúng nhưng không biết số tiền cụ thể của từng người là bao nhiêu và cũng không biết đã thanh toán trả cho nhau như thế nào rồi. Phía Th, T đã được gia đình thông báo về việc H kiện đòi tiền nh không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp được bất cứ giấy tờ gì chứng minh việc đã thanh toán trả H số tiền vay trên. Do vậy có căn cứ khẳng định Nguyễn Hoàng Th và Nguyễn T vay số tiền 30.000.000đ của H chưa trả là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H.

Do trong giấy vay tiền không ghi cụ thể khoản tiền của từng người, chỉ có lời khai của H trình bày là Th vay 15.000.000đ, T vay 15.000.000đ do vậy cần buộc Th, T mỗi người phải chịu trách nhiệm trả H số tiền gốc là 15.000.000đ tiền gốc nếu

sau này giữa Th và T có xảy ra tranh chấp về số tiền gốc của mỗi người trên sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Trong giấy vay tiền có ghi nếu T không trả số tiền vay, tôi xin chịu trách nhiệm và để lại chiếc xe đang đi của T BKS: 98 B1- 64908, HĐXX thấy trong đơn khởi kiện và quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện H, Th, T đều không có yêu cầu giải quyết về chiếc xe mô tô trên, nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết trong vụ kiện này, nếu sau này có xảy ra tranh chấp chiếc xe mô tô trên sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Đối với biên bản họp gia đình ghi ngày 20/4/2017 do bà Th là mẹ đẻ Th cung cấp. HĐXX nhận thấy biên bản họp gia đình ngày 20/4/2017 chỉ thể hiện về việc ghi các khoản Th nợ tiền H chứ không phải biên bản về việc Th đã thanh toán trả hết nợ cho H.

Về tiền lãi tại phiên tòa H yêu cầu trả lãi cho theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi suất từ ngày 19/9/2015 đến nay. Xét thấy giấy vay tiền các bên không thoả thuận lãi suất. ghi thời hạn vay 1 tháng hết hạn vay Th và T không trả tiền gốc nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền do vậy H yêu cầu trả lãi là có căn cứ chấp nhận thời điểm tính lãi kể từ ngày 19/10/2015 đến ngày 31/12/2016 $30.000.000đ \times 0,75 \% / 1 \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng} = 3.157.000đ$.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2023 là $30.000.000đ \times 0,83\% \times 75 \text{ tháng} = 18.675.000đ$. Tổng tiền lãi là 21.832.000đ

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án. Kể từ sau ngày xét xử ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tiền án phí, yêu cầu của H được chấp nhận nên H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Th, T mỗi người phải chịu 1.145.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điểm b, khoản 2, điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463; Điều 466; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Việt H;

Buộc Nguyễn Hoàng Th và Nguyễn T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Nguyễn Việt H số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 21.832.000đ; Cụ thể Nguyễn Văn Th phải trả H 15.000.000đ tiền gốc và 10.916.000đ tiền lãi. T trả H 15.000.000đ tiền gốc và 10.916.000đ tiền lãi.

Kể từ sau ngày xét xử ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tiền án phí: Hoàn trả H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.380.000đ theo biên lai thu tiền số 0011882, ngày 20/10/2022, do chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên thu.

Hoàng Văn Th và Nguyễn T mỗi người phải chịu 1.145.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- THA huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh